

175 NĂM TUYÊN NGÔN CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN: NỘI DUNG VÀ GIÁ TRỊ, Ý NGHĨA NGÀY NAY

★ PGS, TS NGUYỄN THANH TUẤN

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

● **Tóm tắt:** Tuyên ngôn của Đảng cộng sản được xuất bản lần đầu vào ngày 21-2-1848 tại Luân Đôn. Tuyên ngôn là tác phẩm khoa học xuất sắc, đánh dấu một bước chín mươi về học thuyết, phương pháp luận của C.Mác (1818-1883) và Ph.Ăngghen (1820-1895).

● **Từ khóa:** Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản, chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa tư bản.

1. Tuyên ngôn đánh dấu một bước chín mươi về học thuyết, phương pháp luận trong tư tưởng của C.Mác và Ph.Ăngghen

Thứ nhất, tiếp tục phát triển lý luận về bóc lột tư bản chủ nghĩa

Trong Tuyên ngôn, trên cơ sở vận dụng quy luật sản xuất giá trị thặng dư của chủ nghĩa tư bản (CNTB), C.Mác và Ph.Ăngghen đã tiếp tục phát triển quan điểm về bóc lột tư bản chủ nghĩa (TBCN) như một công cụ phương pháp luận để chỉ rõ quá trình phát sinh, biến đổi của phương thức sản xuất TBCN; từ đó làm rõ những mặt tiến bộ, đồng thời cũng vạch ra những khuyết tật, mâu thuẫn của CNTB. Cụ thể, các ông đã phân tích một cách khoa học chế độ làm thuê TBCN, vạch rõ lao động của công nhân trở thành phương tiện nhằm làm tăng thêm giá trị cho tư bản và tư bản mà nhà tư sản chiếm hữu được đã trở thành quyền lực chi phối lao động của người khác ngày càng cao cùng với sự phát triển của công nghiệp. Trên cơ sở đó, “giai cấp tư sản ngày càng xóa bỏ tình trạng phân tán về tư liệu sản xuất, về tài sản và dân cư. Nó tích tụ

tài sản vào trong tay một số ít người. Kết quả tất nhiên của những thay đổi ấy là sự tập trung về chính trị”¹. Giai cấp tư sản dùng công cụ chính trị, cụ thể là chính quyền nhà nước để, phục vụ cho lợi ích kinh tế và siêu kinh tế của nó, từ hệ thống pháp luật đến chính sách thuế khóa, tất cả đều là phương tiện để thực hiện kiểu bóc lột TBCN. Từ đó hai ông chỉ ra rằng, phương thức sản xuất kiểu bóc lột TBCN tất yếu sẽ bị thay thế bởi phương thức sản xuất mới, cao hơn, đó là phương thức sản xuất cộng sản chủ nghĩa và do đó, cuộc cách mạng cộng sản cũng là tất yếu.

Thứ hai, tiếp tục phát triển chủ nghĩa duy vật lịch sử

Trong Tuyên ngôn, C.Mác và Ph.Ăngghen đã vận dụng chủ nghĩa duy vật biện chứng để làm rõ các quy luật phát triển của xã hội loài người, bao gồm: Quan hệ sản xuất phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất (LLSX); cơ sở kinh tế của xã hội quyết định kiến trúc thượng tầng của xã hội; và quy luật phát sinh, phát triển của toàn bộ xã hội loài người nói

chung, xã hội TBCN nói riêng. Căn cứ vào các mâu thuẫn cơ bản của xã hội TBCN và các quy luật chung (như đã nêu), hai ông vạch rõ các hình thái xã hội vừa có tính tất yếu vừa có tính nhất thời về mặt lịch sử. Chúng vừa có những cơ sở lịch sử đầy đủ để phát sinh, tồn tại, phát triển, đồng thời cũng không tránh khỏi bị các hình thái xã hội mới, cao hơn thay thế.

Phương thức sản xuất TBCN thay thế phương thức sản xuất phong kiến là do nhu cầu của xã hội về phát triển LLSX của mình. C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định rằng, giai cấp tư sản đã đóng vai trò có tính cách mạng trong lịch sử bằng việc “tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất của các thế hệ trước gộp lại”². Nhưng do những hạn chế lịch sử trong khung khổ chật hẹp của sở hữu tư bản tư nhân đối với tư liệu sản xuất, nên “những lực lượng sản xuất mà xã hội sẵn có, không thúc đẩy sở hữu tư sản phát triển nữa; chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sở hữu ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng”³. Sự phát triển của công nghiệp lớn không ngừng làm mất đi cái cơ sở mà chế độ sở hữu tư bản tư nhân dựa vào đó để tồn tại. Nó làm cho chế độ TBCN sẽ tất yếu lại bị thay thế bằng một chế độ xã hội mới cao hơn, tức xã hội cộng sản, phù hợp với sự phát triển của LLSX. Đó là quan điểm duy vật về quy luật phát triển khách quan của lịch sử nhân loại, mà không tùy thuộc vào ý chí của bất kỳ cá nhân nào.

Thứ ba, phát hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân

Giai cấp công nhân đóng vai trò chủ yếu trong việc tạo ra những điều kiện vật chất để CNTB có thể tồn tại, phát triển. Thế nhưng, khủng hoảng kinh tế và các tệ nạn xã hội đã làm cho đời sống công nhân ngày càng bị bần cùng

hóa, không được đảm bảo tương xứng với sự phát triển của xã hội. Địa vị xã hội của giai cấp vô sản thúc đẩy họ phải lật đổ chế độ lao động làm thuê của CNTB. C.Mác và Ph.Ăngghen rút ra kết luận: “Giai cấp vô sản, tầng lớp bên dưới nhất của xã hội hiện tại, không thể vùng dậy, vươn mình lên nếu không làm nổ tung toàn bộ cái thượng tầng kiến trúc bao gồm những tầng lớp cấu thành xã hội quan phương”⁴.

Tuyên ngôn xác định: Lịch sử - mà hai ông chú thích rõ là lịch sử kể từ khi chế độ công hữu ruộng đất nguyên thủy tan rã - tất cả các xã hội tồn tại từ trước đến ngày nay chỉ là lịch sử đấu tranh giai cấp. Trên cơ sở phân tích về mặt lịch sử quan hệ các giai cấp trong xã hội TBCN, C.Mác và Ph.Ăngghen cho rằng, sự khác nhau rõ rệt giữa xã hội tư bản với những xã hội trước kia chỉ làm cho mâu thuẫn giai cấp đơn giản hơn. Xã hội ngày càng chia thành hai giai cấp lớn đối lập nhau là: giai cấp tư sản và giai cấp vô sản.

Hai ông nhấn mạnh: Theo đà phát triển của nền kinh tế TBCN, LLSX được giải phóng, giai cấp tư sản trở thành giai cấp phản động, cản trở sự phát triển hơn nữa của LLSX. “Giai cấp tư sản không những đã rèn những vũ khí sẽ giết mình; nó còn tạo ra những người sử dụng vũ khí ấy chống lại nó, đó là những công nhân hiện đại, những người vô sản”⁵.

Giai cấp vô sản khác với mọi giai cấp đối lập khác ở chỗ: Nó là sản phẩm của nền công nghiệp lớn, là “giai cấp cách mạng thực sự”, là “giai cấp chủ nhân của tương lai”. Tuyên ngôn cho rằng, trong cuộc đấu tranh của giai cấp vô sản chống lại giai cấp tư sản thì “sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”⁶. C.Mác và Ph.Ăngghen khẳng định, rằng trong cuộc đấu tranh với giai cấp tư sản, giai cấp vô sản nhận thức được rằng,

chỉ có làm “nổ bung ra thành cách mạng công khai, mà giai cấp vô sản thiết lập sự thống trị của mình bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản”⁷. Đối với giai cấp vô sản, bạo lực không phải là mục đích, nó chỉ là “bà đỡ” cho sự ra đời của một Nhà nước mới - Nhà nước của giai cấp vô sản và nhân dân lao động. Trong cuộc cách mạng ấy, những người vô sản chẳng mất gì hết, ngoài những xiềng xích trói buộc họ. Họ sẽ giành được cả thế giới.

Sau khi giành được chính quyền, “giai cấp vô sản đã được tổ chức thành giai cấp thống trị”. Mục tiêu chủ yếu của giai cấp vô sản là ra sức phát triển lực lượng sản xuất nhằm “tăng thật nhanh số lượng những lực lượng sản xuất”⁸, là giải phóng những người lao động về kinh tế và đem lại sự tự do cho cá nhân và cho xã hội. Qua đó “sản xuất tinh thần cũng biến đổi theo sản xuất vật chất”, để cải biến triệt để xã hội cũ và quá độ lên chủ nghĩa cộng sản, nhằm xóa bỏ tận gốc chế độ người bóc lột người, triệt để giải phóng xã hội, phát triển toàn diện con người và hình thành các “cộng đồng lao động tự do”.

Tuyên ngôn nêu ra 10 biện pháp chủ yếu nhằm xóa bỏ CNTB và xây dựng chủ nghĩa cộng sản, như: Tước đoạt sở hữu ruộng đất và trao nộp tô vào quỹ chi tiêu của nhà nước; tăng thêm số công xưởng nhà nước và công cụ sản xuất; khai khẩn đất đai để cấy cấy và cải tạo ruộng đất trong một kế hoạch chung; giáo dục công cộng và không mất tiền cho tất cả các trẻ em;... C.Mác, Ph.Ăngghen cũng lưu ý sự vận dụng thực tế những nguyên lý cơ bản được trình bày trong Tuyên ngôn, phải tùy từng điều kiện từng nơi, từng lúc và kêu gọi: Vô sản toàn thế giới đoàn kết lại!

Thứ tư, làm rõ vai trò tiên phong của chính đảng của giai cấp công nhân

C.Mác, Ph.Ăngghen nhấn mạnh rằng, những người cộng sản không phải là một đảng riêng biệt, đối lập với các đảng công nhân khác. Họ tuyệt nhiên không có một lợi ích nào tách khỏi lợi ích của toàn thể giai cấp vô sản. Họ chỉ khác với các đảng vô sản khác ở hai điểm: a/ Trong các cuộc đấu tranh của những người vô sản thuộc các dân tộc khác nhau, họ đặt lên hàng đầu và bảo vệ những lợi ích không phụ thuộc vào dân tộc và chung cho toàn thể giai cấp vô sản; b/ Trong các giai đoạn khác nhau của cuộc đấu tranh giữa vô sản và tư sản, họ luôn luôn đại biểu cho lợi ích của toàn bộ phong trào. “Những người cộng sản chiến đấu cho những mục đích và những lợi ích trước mắt của giai cấp công nhân, nhưng đồng thời trong phong trào hiện tại, họ cũng bảo vệ và đại biểu cho tương lai của phong trào”⁹. Bởi lẽ, “giai cấp vô sản không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn bộ xã hội khỏi ách bóc lột, áp bức, khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp”¹⁰.

Đề vai trò của chính đảng vô sản được giữ vững trong mặt trận thống nhất phải bảo đảm 3 nguyên tắc: a/ Người cộng sản không được vứt bỏ quyền sử dụng thái độ phê phán với những hiện tượng nói suông và ảo tưởng xuất hiện trong quá trình cách mạng. Cùng với việc phản bác những quan niệm hoang đường của giai cấp tư sản nhằm xuyên tạc và công kích chủ nghĩa cộng sản, cần phải phê phán các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa phi vô sản, như: CNXH phong kiến, CNXH tiểu tư sản, CNXH không tưởng và chủ nghĩa cộng sản không tưởng. b/ Không một phút nào được quên giáo dục cho công nhân một ý thức hết sức rõ ràng về cuộc đấu tranh không khoan nhượng với giai cấp tư sản. c/ Người cộng sản

coi là điều đáng khinh bỉ nếu giấu giếm những quan điểm và ý định của mình.

Trên cơ sở kiên định với những nguyên tắc ấy, Tuyên ngôn là sự trình bày công khai của những người cộng sản trước toàn thế giới các quan điểm, mục đích, ý đồ của mình, để đập tan câu chuyện hoang đường về cái gọi là “bóng ma cộng sản”.

2. Giá trị và ý nghĩa của Tuyên ngôn ngày nay

Về khách quan, Tuyên ngôn là kết quả phản ánh phương thức sản xuất TBCN đã đạt đến giai đoạn cạnh tranh tự do toàn diện vốn là đặc điểm cốt lõi của CNTB. Về chủ quan, Tuyên ngôn là sự trưởng thành về lập trường, tư tưởng và phương pháp hoạt động sáng tạo cả về lý luận cũng như thực tiễn của C.Mác và Ph.Ăngghen. Thực tiễn phát triển của phong trào công nhân đòi hỏi phải có một chính đảng lãnh đạo và hệ thống lý luận soi đường.

Tuyên ngôn là sự kết hợp giữa tư tưởng của C.Mác, Ph.Ăngghen và phong trào công nhân để tạo thành chủ nghĩa Mác. Trong Tuyên ngôn, C.Mác và Ph.Ăngghen đã kết nối chức năng thế giới quan với chức năng phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật lịch sử thành một thể thống nhất trong việc xem xét đời sống xã hội và tư duy loài người. Kết quả là ngày nay giá trị và ý nghĩa của Tuyên ngôn đã và đang được thể hiện rõ như sau:

Một là, giá trị về giải thích và tham gia cải biến chủ nghĩa tư bản

175 năm qua, kể từ khi Tuyên ngôn ra đời đến nay, CNTB tiếp tục phát triển, nhưng người ta vẫn thấy sự phân tích về quá trình phát sinh, phát triển và dự báo về vận mệnh của CNTB được nêu trong Tuyên ngôn là đúng đắn. Theo C.Mác, bản tính sinh sôi của tư bản đòi hỏi không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ sản

phẩm và buộc giai cấp tư sản phải chạy khắp toàn cầu. “Giá rẻ của sản phẩm công nghiệp đại cơ khí là trọng pháo xuyên thủng mọi bức tường thành, chinh phục ý chí ngoan cường nhất của các dân tộc lạc hậu nhất”¹¹. Những biến đổi mới của CNTB hiện đại đã được bàn luận nhiều từ khi có những biện pháp kết hợp “bàn tay hữu hình” của Nhà nước tư sản với “bàn tay vô hình” của kinh tế thị trường sau cuộc đại khủng hoảng kinh tế 1929-1933, đặc biệt từ khi diễn ra cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại (từ thập niên 1950 đến nay). Về đại thể, CNTB hiện đại đã cơ bản khắc phục được tính tự phát và không ngừng tự giác tiến hành điều chỉnh sự phát triển của lực lượng sản xuất, thể chế vận hành nền kinh tế - xã hội, kể cả quan hệ sản xuất, từ đó thúc đẩy phát triển kinh tế tri thức và toàn cầu hóa.

Từ những năm 1990 đến nay, trong bối cảnh toàn cầu hóa, nhiều nước chọn con đường hội nhập để giảm mức chấn thương và nguy cơ tụt hậu đến mức thấp nhất. Nhưng như thế có nghĩa là chủ quyền quốc gia ngày càng bị hạn chế một cách tương đối trên hai phương diện: Xói mòn quyền lực của Nhà nước dân tộc; xói mòn hoặc lu mờ nền độc lập dân tộc không chỉ về mặt công nghệ, kinh tế mà cả về chính trị, văn hóa. Các dân tộc, vì lẽ đó, lại thức tỉnh “quyền sống, quyền tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc” của mình theo hướng: a/ linh hoạt trong việc thức tỉnh các quyền đó; b/ phản đối toàn cầu hóa theo kiểu TBCN. Phong trào chống toàn cầu hóa diễn ra liên tục vào nhiều dịp các nước G7 họp hội nghị cao cấp là một ví dụ.

CNTB toàn cầu hóa - lũng đoạn toàn cầu, mà hạt nhân là CNTB độc quyền - lũng đoạn tiền tệ, đã tận dụng “tư bản quản lý”, “tư bản công nghệ” với tư cách là người lao động làm thuê “quý tộc” được trả lương khá cao, đồng

thời phát triển nhóm công nhân có cổ phần, cổ phiếu. Nó đồng thời chi phối các quá trình toàn cầu hóa thông qua “siêu cường” Mỹ, G7, EU, OECD,... Nhưng bản chất nền sản xuất TBCN vẫn là bóc lột giá trị thặng dư, gồm cả bóc lột lao động thặng dư và bóc lột siêu kinh tế. Mặc dù mức độ bóc lột lao động giá trị thặng dư tuyệt đối có được điều chỉnh, nhưng tỷ suất bóc lột lao động giá trị thặng dư không ngừng tăng. Thí dụ ở Mỹ, tỷ suất này tăng từ khoảng 110-130% trong các thập niên đầu thế kỷ XX, lên 230% vào những năm 1950 và 360% vào những năm 1980; gần đây tỷ suất này ở mức khoảng 500%¹².

Trong quá trình tự điều chỉnh và phát triển của CNTB toàn cầu hóa - lũng đoạn toàn cầu, đã xuất hiện và phát triển những yếu tố kinh tế - xã hội mới, loại bỏ và phủ định CNTB. Từ thời Mác đã có hai hình thức loại bỏ, phủ định CNTB ngay trong lòng CNTB, là: a/ Sự loại bỏ, phủ định mang tính tiêu cực: C.Mác đã nhìn thấy sự phát triển của chế độ cổ phần là sự loại bỏ tư bản với tính cách là tư bản tư nhân trong khuôn khổ của chính phương thức sản xuất TBCN. b/ Sự loại bỏ, phủ định mang tính tích cực: Các yếu tố kinh tế - xã hội mới bên trong phương thức sản xuất TBCN chủ yếu là các hợp tác xã công nhân. Theo C.Mác, “công lao to lớn của phong trào này là đã chứng tỏ trên thực tế khả năng thay thế chế độ lao động phục tùng tư bản,... bằng chế độ liên hiệp những người sản xuất tự do và bình đẳng, một chế độ cộng hòa và tốt đẹp”¹³.

Hai là, giá trị về giải thích và tham gia cải biến phong trào công nhân

Các yếu tố kinh tế - xã hội mới, nhất là các hợp tác xã công nhân, tuy chưa phải là “nhân tố xã hội chủ nghĩa”, nhưng cho thấy rằng, “ngày nay thì chủ nghĩa xã hội nhìn sang chúng

ta từ tất cả các khung cửa của chủ nghĩa tư bản hiện đại,...” (V.I.Lênin)¹⁴. Và chúng là “sự chuẩn bị vật chất đầy đủ nhất cho chủ nghĩa xã hội, là phòng chờ đi vào chủ nghĩa xã hội”¹⁵. Với sự phát triển của các hợp tác xã công nhân, sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, theo quan điểm của Tuyên ngôn, tiếp tục được thể hiện ngay trong lòng CNTB.

Đồng thời quá trình vận dụng, phát triển sáng tạo quan điểm của Tuyên ngôn về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân còn được thể hiện ở chỗ: Tại nhiều nước kém và đang phát triển đã diễn ra những thử nghiệm lớn về việc thủ tiêu chế độ người bóc lột người, trước tiên là thiết lập Nhà nước xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân thông qua Đảng cộng sản dựa trên chủ nghĩa Mác - Lênin lãnh đạo; tiếp đó, thiết lập chế độ công hữu đối với những tư liệu sản xuất chủ yếu; bước đầu xây dựng nền dân chủ XHCN; xóa bỏ đặc quyền trong văn hóa, giáo dục và các lĩnh vực xã hội khác; xây dựng chế độ phúc lợi toàn dân và đoàn kết tương trợ chưa từng có trong lịch sử; mở ra con đường phát triển phi TBCN, đẩy mạnh hiện đại hóa tại những nước lạc hậu về kinh tế; tạo điều kiện kế thừa di sản văn hóa dân tộc và tiếp thu “tổng số tri thức của nền văn minh nhân loại bằng cả hai tay” (V.I.Lênin); bảo vệ và làm thay đổi lực lượng bảo vệ hòa bình thế giới; ngăn chặn một cách hiệu quả chính sách xâm lược và hiếu chiến của chủ nghĩa đế quốc. Từ những năm 1990 trở lại đây, một số nước XHCN vẫn kiên định con đường phát triển XHCN bằng tiến hành cải cách, đổi mới phương thức xây dựng CNXH thông qua nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, Nhà nước pháp quyền XHCN và hội nhập quốc tế.

Ba là, giá trị về giải thích và tham gia cải biến lịch sử thế giới

Tuyên ngôn cho rằng, “nhờ cách mạng công nghiệp và thị trường thế giới không ngừng thu nạp những khu vực lạc hậu vào hệ thống phân công quốc tế mới, mà tạo nên mối liên hệ gắn bó toàn cầu, làm cho lịch sử từ cô lập, dân tộc, địa phương, chuyển biến thành lịch sử thế giới”¹⁶. Do tính thế giới của sản xuất và tiêu dùng “những thành quả của hoạt động tinh thần của một dân tộc trở thành tài sản chung của tất cả các dân tộc. Tính chất đơn phương và phiến diện dân tộc ngày càng không thể tồn tại được nữa; và từ những nền văn học dân tộc và địa phương, muôn hình muôn vẻ, đang nảy nở ra một nền văn hóa toàn thế giới”¹⁷. Chính tư bản buộc giai cấp tư sản khai thác thị trường thế giới và thúc đẩy phương thức sản xuất TBCN trở thành phương thức sản xuất chủ đạo trên phạm vi toàn cầu; thúc đẩy mâu thuẫn cơ bản của CNTB vận động mang tính thế giới, và quá trình phát tán văn minh tư sản thấm đầy máu và lửa trên toàn cầu.

C.Mác xây dựng lý luận lịch sử thế giới trong giai đoạn quốc tế hóa sản xuất TBCN, chứ chưa phải giai đoạn toàn cầu hóa như ngày nay. Nhưng phải nói rằng, lý luận lịch sử thế giới của chủ nghĩa Mác có tính chỉnh thể và khác về chất so với lý luận toàn cầu hóa đang được lưu hành phổ biến hiện nay. Do xuất phát từ quan điểm giải phóng - phát triển toàn diện con người, nên lý luận lịch sử thế giới của chủ nghĩa Mác xem xét toàn bộ quá trình vận động, biến đổi của xã hội có tính loài người, hay “loài người xã hội hóa”. Chủ thể thúc đẩy lịch sử thế giới và xác lập giá trị của lịch sử thế giới là giai cấp công nhân trưởng thành qua ba giai đoạn của kinh tế công nghiệp: Công trường thủ công, công xưởng cơ khí và công nghiệp dựa vào “tri thức phổ biến”. Động lực thúc đẩy sự hình thành, phát triển lịch sử thế giới là sự vận động mâu

thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất và cả các hoạt động của giao lưu văn hóa giữa con người và giữa các dân tộc¹⁸. Nghĩa là động lực thúc đẩy đó đòi hỏi sự hợp tác có nhiều chiều ảnh hưởng lẫn nhau; nhưng theo C.Mác và Ph.Ăngghen, suy cho cùng, ảnh hưởng kinh tế, giữ vai trò cơ bản và có tính quyết định, đối với sự phát triển của lịch sử thế giới.

Toàn cầu hóa ngày nay chủ yếu do tư bản thúc đẩy, song không có nghĩa là toàn cầu hóa đồng nhất với CNTB. Cũng giống kinh tế thị trường, toàn cầu hóa (hay quốc tế hóa trước đây) đều có thể kết hợp với CNTB hay CNXH. Xét đến cùng, việc kết hợp này do điều kiện lịch sử và tiến trình phát triển khách quan của lịch sử quyết định. Yêu cầu của lịch sử nhân loại là phát triển bền vững. Nhưng kiểu phát triển TBCN hay toàn cầu hóa theo kiểu TBCN ngày nay, không đáp ứng được yêu cầu đó. Lịch sử thế giới được thể hiện sống động trong thời đại toàn cầu hóa, nhưng không phải theo xu hướng hình thành “mặt phẳng” theo kiểu toàn cầu hóa TBCN. Lịch sử thế giới, tất yếu dẫn đến chỗ hình thành xu thế phát triển thống nhất mà đa dạng. Quy luật chung của phát triển lịch sử thế giới không loại trừ tính đặc thù về hình thức và tính phát triển rút ngắn cá biệt. V.I.Lênin chỉ rõ: “Từ chủ nghĩa đế quốc ngày nay chuyển sang cách mạng XHCN ngày mai, nhân loại sẽ trải qua những con đường muôn màu muôn vẻ như thế. Tất cả các dân tộc đều sẽ đi đến CNXH, đó là điều không thể tránh khỏi, nhưng tất cả các dân tộc đều tiến tới CNXH không phải một cách hoàn toàn giống nhau; mỗi dân tộc sẽ đưa đặc điểm của mình vào hình thức này hay hình thức khác của chế độ dân chủ,... vào nhịp độ này hay nhịp độ khác của việc cải tạo XHCN đối với các mặt khác nhau của đời sống xã hội”¹⁹.

Ngày nay, sự phát triển lên CNXH không phải chỉ diễn ra theo một con đường, một mô hình, một trung tâm, mà diễn ra theo con đường phát triển có đặc điểm dân tộc rất đa dạng, phong phú. Mỗi mô hình XHCN của một nước đều thích ứng với thực tế lịch sử của khu vực và của mỗi quốc gia. Vượt lên từ những khủng hoảng, thất bại của CNXH hiện thực vào cuối thập niên 1980 đầu thập niên 1990, CNXH thế kỷ XXI, biết kế thừa những thành quả chủ yếu của “CNXH hiện thực” trong thế kỷ XX đồng thời chủ động, tích cực đổi mới, cải cách theo hướng kết hợp sáng tạo các nguyên lý cơ bản mà Tuyên ngôn đã nêu với điều kiện lịch sử dân tộc và đặc điểm thời đại mới, để xây dựng được lý luận phát triển theo con đường XHCN phù hợp với mỗi nước, đồng thời chống chủ nghĩa giáo điều “tả khuynh”, ngăn chặn chủ nghĩa cơ hội “hữu khuynh”.

Trong quá trình phát triển của CNXH thế kỷ XXI, theo tinh thần mà C.Mác và Ph.Ăngghen đã chỉ rõ trong Tuyên ngôn, quá trình tổ chức

giai cấp công nhân thành chính đảng của giai cấp công nhân “luôn luôn bị sự cạnh tranh giữa công nhân với nhau phá vỡ. Nhưng nó luôn được tái lập và luôn luôn mạnh mẽ hơn, vững chắc hơn, hùng mạnh hơn”²⁰.

Bốn là, về ý nghĩa

Trong Lời tựa cho bản Tuyên ngôn bằng tiếng Anh xuất bản năm 1888, Ph.Ăngghen viết: “Hiện nay, hiển nhiên đó là tác phẩm phổ biến hơn cả, có tính chất quốc tế hơn cả trong tất cả các văn phẩm XHCN, đó là cương lĩnh được thừa nhận bởi hàng triệu công nhân từ Xibia đến Caliphocnia”²¹. V.I.Lênin cũng khẳng định: “Cuốn sách nhỏ ấy có giá trị bằng hàng bộ sách: Tinh thần của nó, đến bây giờ, vẫn cổ vũ và thúc đẩy toàn thể giai cấp vô sản có tổ chức và đang chiến đấu của thế giới văn minh”²². Thực vậy, Tuyên ngôn đã được đưa vào Di sản tư liệu lịch sử thế giới của UNESCO và tiếp tục cổ vũ giai cấp công nhân và nhân dân trên toàn thế giới đấu tranh vì một thế giới công bằng, dân chủ, văn minh ❖

1, 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9, 11, 16, 17, 20 C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1995, tập 4, tr.602-603, 603, 604, 611, 605, 613, 611- 612, 626, 644, 598-592, 598-592, 602, 614.

¹⁰ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sdd, tập 21, tr.523.

¹² Thái Đức Chiêu: *Tương lai của phong trào xã hội Âu - Mỹ và ảnh hưởng của nó đối với phong trào xã hội chủ nghĩa*, Tạp chí “Nghiên cứu chủ nghĩa xã hội mang màu sắc Trung Quốc”, số 3/2017, tiếng Trung.

¹³ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sdd, tập 16, tr.264.

¹⁴ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2005, tập 34, tr.258.

¹⁵ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sdd, tập 34, tr.258.

¹⁸ Nguyễn Thanh Tuấn: *C.Mác, V.I.Lênin với CNXH trong thời đại ngày nay*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2009, tr.451-510.

¹⁹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sdd, tập 30, tr.160.

²¹ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, Sdd, tập 21, tr.522.

²² V.I.Lênin: *Toàn tập*, Sdd, tập 2, tr.10.